

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 고향사랑 기부금에 관한 법률 시행령 [별지 서식] <개정 2024. 8. 13.>

■ Nghị định hướng dẫn Luật Quyên góp xây dựng quê hương [Mẫu đính kèm] [Mẫu đính kèm] <Sửa đổi 2024. 8. 13.>

고향사랑 기부금 기탁서

ĐƠN ỦY THÁC TIỀN QUYÊN GÓP XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG

※ 색상이 어두운 칸은 기부자가 작성하지 않으며, []에는 해당되는 곳에 “√” 표시를 합니다.

※ Người quyên góp không điền vào các ô màu tối và đánh dấu “√” vào [] tương ứng.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일시 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý
기부자 Người quyên góp	성명 Họ tên	주민등록번호 (외국인등록번호 또는 국내거소신고번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài hoặc số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc)
	주소 Địa chỉ	전화번호 Số điện thoại
기부대상 지방자치단체의 명칭 Tên chính quyền địa phương nhận quyên góp		
기부금액 Số tiền quyên góp	금 Tiền	원 (₩) Won (₩)
기부방식 Cách thức quyên góp	[] 일반기부 [] 지정기부 [] Quyên góp thông thường [] Quyên góp chỉ định	
기부대상 사업 또는 목적의 명칭 ※ 지정기부 선택 시 작성합니다. Tên doanh nghiệp hoặc mục đích quyên góp ※ Chỉ điền khi quyên góp chỉ định		
답례품 Quà tri ân	[] 이번 고향사랑 기부금에 대해서 신청 [] Đăng ký tiền quyên góp xây dựng quê hương lần này	
	[] 이번 고향사랑 기부금은 이월함 [] Chuyển giao tiền quyên góp xây dựng quê hương lần này	
	[] 답례품을 제공받지 않음 [] Không nhận quà tri ân	

「고향사랑 기부금에 관한 법률」 제8조제1항 및 같은 법 시행령 제4조제1항에 따라 위와 같이 기부합니다.

Tôi xin quyên góp như trên theo quy định tại khoản 1 Điều 8 “Luật Tiền quyên góp xây dựng quê hương” và khoản 1 Điều 4 Nghị định hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

기부자
Người quyên góp

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

지방자치단체 귀하

Kính gửi Chính quyền địa phương

담당 공무원 확인사항 Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận	1. 주민등록표 초본 2. 국내거소신고사실증명서 3. 외국인등록사실증명서 1. Bản trích lục Giấy đăng ký cư trú 2. Giấy xác nhận đăng ký nơi cư trú trong nước 3. Giấy giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài	수수료 없음 Không mất phí
--	--	-------------------------------

행정정보 공동이용 동의서

Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건의 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 담당 공무원 확인사항을 확인하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý việc cán bộ phụ trách kiểm tra nội dung cán bộ phụ trách xác nhận thông qua chia sẻ thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử” để xử lý các công việc liên quan đến đơn này.

※ 기부자가 확인에 동의하지 않는 경우에는 직접 위 확인사항에 해당하는 서류를 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý việc xác nhận, người quyền góp phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan nội dung xác nhận.

기부자

Người quyền góp

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

유의사항

Nội dung lưu ý

1. 고향사랑 기부금 기탁서는 「고향사랑 기부금에 관한 법률 시행령」 제4조제1항에 따라 기부자가 직접 작성하여 기부하려는 지방자치단체에 제출합니다.
1. Đơn ủy thác tiền quyền góp xây dựng quê hương do người quyền góp tự điền theo khoản 1 Điều 4 “Nghị định hướng dẫn Luật Quyền góp xây dựng quê hương” và nộp cho chính quyền địa phương nơi muốn quyền góp.
- ** 「고향사랑 기부금에 관한 법률」 제8조제1항에 따라 지방자치단체의 장이 지정한 금융기관이나 같은 법 제12조제2항에 따른 정보시스템을 통해 제출하는 경우에도 같습니다.
- ** Trường hợp nộp thông qua tổ chức tài chính do người đứng đầu chính quyền địa phương chỉ định theo khoản 1 Điều 8 “Luật Quyền góp xây dựng quê hương” hoặc thông qua hệ thống thông tin theo đoạn 2 Điều 12 của Luật này.
2. 답례품은 매회 기부되는 고향사랑 기부금의 100분의 30에 해당하는 금액의 범위에서 신청할 수 있습니다.
2. Quà tri ân có thể yêu cầu lên tới số tiền tương đương 30/100 số tiền quyền góp xây dựng quê hương đóng góp mỗi lần.
3. 답례품에 관한 정보는 해당 지방자치단체에 문의하거나 지방자치단체가 제공하는 별도의 답례품 자료를 확인하시기 바랍니다.
3. Đề biết thông tin về quà tri ân, vui lòng liên hệ với chính quyền địa phương liên quan hoặc kiểm tra thông tin quà tri ân riêng do chính quyền địa phương cung cấp.